

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số
đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, để thực hiện mục tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong đó, xác định công nghệ số là động lực thúc đẩy phát triển, làm thay đổi toàn diện phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống xã hội của người dân.

Chính phủ số dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, phát triển các yếu tố nền tảng mang tính tạo nền móng cơ bản, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số.

Kinh tế số là một thành phần không tách rời của nền kinh tế quốc dân, được

hình thành dựa trên việc sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm tư liệu sản xuất chính, sử dụng môi trường số và nền tảng số làm không gian hoạt động chính.

Kinh tế số bao gồm ba thành phần:

- Kinh tế số công nghệ thông tin - viễn thông bao gồm công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông;
- Kinh tế số nền tảng bao gồm hoạt động kinh tế của các nền tảng số và các hệ thống thông tin kết nối cung - cầu thông qua mạng Internet;
- Kinh tế số ngành - lĩnh vực bao gồm hoạt động kinh tế của ngành, lĩnh vực thực hiện ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số hoặc thực hiện trên các nền tảng số và các hệ thống thông tin kết nối cung - cầu thông qua mạng Internet.

Xã hội số là xã hội tích hợp công nghệ số một cách tự nhiên và mặc định vào mọi mặt đời sống, người dân có khả năng kết nối, tương tác và thành thạo kỹ năng số để sử dụng các dịch vụ số, từ đó, hình thành các mối quan hệ mới trong môi trường số, hình thành thói quen số và văn hoá số.

Kinh tế số và xã hội số là hai mặt không tách rời của quá trình chuyển đổi số cả ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương. Phát triển kinh tế số mang lại cơ hội kinh doanh cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy hình thành xã hội số. Trong phát triển xã hội số, người dân thành thạo kỹ năng số sẽ hình thành thị trường tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ số, từ đó nuôi dưỡng các doanh nghiệp công nghệ số.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số trên cơ sở phát huy những lợi thế đặc thù của Việt Nam với hệ thống chính quyền bốn cấp, thống nhất chỉ đạo từ Trung ương đến cơ sở, mạng lưới tuyên truyền rộng khắp, có khả năng huy động và triển khai hiệu quả các chương trình mang tính toàn dân, là thị trường tiêu dùng lớn gần 100 triệu dân với các nhu cầu đặc thù riêng biệt mà doanh nghiệp Việt Nam có lợi thế tự nhiên để thực sự thấu hiểu.

3. Giải pháp đột phá để phát triển kinh tế số và xã hội số là thông qua các nền tảng số Make in Viet Nam để nhanh hơn, hiệu quả hơn, chủ động hơn.

Điểm cốt lõi của phát triển kinh tế số là tìm kiếm và phát triển các nền tảng số quốc gia phục vụ các nhu cầu riêng, đặc thù của người Việt Nam, trên cơ sở phân loại và thấu hiểu nhu cầu sử dụng của từng ngành, nghề, lĩnh vực.

Điểm cốt lõi của phát triển xã hội số là tìm kiếm và phát triển các nền tảng số quốc gia phục vụ đào tạo nhân lực và phổ cập kỹ năng số cho người dân.

4. Phát triển kinh tế số và xã hội số gắn liền với phát triển và bảo vệ không gian mạng quốc gia, xây dựng và củng cố vững chắc chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, bảo vệ người dân, doanh nghiệp trước những tác nhân xấu, xâm hại tới lợi ích chính đáng, hợp pháp của người dân và doanh nghiệp, bảo vệ trẻ em và các đối tượng yếu thế trên môi trường mạng, bảo vệ quyền riêng tư hài hòa với phát triển kinh tế số và xã hội số dựa trên dữ liệu.

5. Nhà nước kiến tạo thị trường bằng chính sách, thể chế thúc đẩy cung cấp, sử dụng dịch vụ trực tuyến, mô hình kinh doanh mới; tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số cho người dân; đầu tư cho hạ tầng, nền tảng, các dịch vụ cơ bản, tạo niềm tin cho người dân khi tham gia vào các hoạt động trên môi trường số.

II. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Việt Nam trở thành quốc gia số với kinh tế số chiếm tối thiểu 30% GDP vào năm 2030, tạo nền móng vững chắc để trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045, xã hội số an toàn, nhân văn, rộng khắp, cải thiện chất lượng cuộc sống, người dân giàu hơn, hạnh phúc hơn, góp phần giải quyết các vấn đề thiên niên kỷ về phát triển bền vững, bao trùm.

III. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

Tỉ trọng kinh tế số đạt 20% GDP, tỉ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt trên 10%, trong đó mục tiêu cụ thể tạo nền móng phát triển kinh tế số và xã hội số như sau:

1. Phát triển hạ tầng số

- a) Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới 100% hộ gia đình;
- b) Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới 100% trường học;
- c) Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới 100% bệnh viện;
- d) Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới 100% xã;
- đ) Tỉ lệ phủ cập dịch vụ mạng băng rộng di động 4G/5G đạt 100%;
- e) Tỉ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 100%;
- g) Trên 05 doanh nghiệp điện toán đám mây Việt Nam đạt chuẩn quốc tế;
- h) Thị phần doanh nghiệp điện toán đám mây Việt Nam đạt 75%;
- i) Tỉ lệ chuyển đổi từ IPv4 sang thuần IPv6 trên toàn quốc đạt 100%.

2. Phát triển dữ liệu số

- a) Cơ sở dữ liệu quốc gia về người dân, doanh nghiệp, đất đai đạt 100%;
- b) Tỉ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đạt 100%;
- c) Tỉ lệ dữ liệu số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 50%;

3. Phát triển danh tính số

- a) Tỉ lệ dân số có danh tính số đạt 70%;
- b) Mỗi danh tính số trung bình phát sinh 100 lượt sử dụng mỗi năm.

4. Phát triển thanh toán số

- a) Tỉ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt 80%;
- b) Tỉ lệ thanh toán thương mại điện tử không dùng tiền mặt đạt 50%;

- c) Tỷ lệ thanh toán hóa đơn điện, nước không dùng tiền mặt đạt 75%;
- d) Tỷ lệ điểm bán hàng hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt đạt 90%.

5. Phát triển kỹ năng số

- a) Tỷ lệ công nhân tuyển dụng mới được đào tạo kỹ năng số đạt 70%;
- b) Tỷ lệ công nhân được đào tạo lại, đào tạo nâng cấp kỹ năng đạt 70%;
- c) Tỷ lệ nông dân được đào tạo về kỹ năng số cơ bản đạt tối thiểu 50%;
- d) Tỷ lệ học sinh phổ thông, sinh viên được đào tạo kỹ năng số đạt 100%;
- đ) Tỷ lệ người dân có khả năng sử dụng các kỹ năng số cơ bản đạt 70%;
- e) Tỷ lệ người dân mua hàng trên các sàn thương mại điện tử đạt 90%;

6. Phát triển nhân lực số

- a) Tỷ lệ học sinh phổ thông tiếp cận với STEM/STEAM đạt 70%;
- b) Tỷ lệ sinh viên ngành đào tạo liên quan đến STEM/STEAM đạt 30%;
- c) Tổng số nhân lực công nghệ số Việt Nam đạt 1,5 triệu người;
- d) Triển khai thí điểm 05 đại học số tại Việt Nam.

7. Phát triển doanh nghiệp số

- a) Số lượng doanh nghiệp công nghệ số đạt 100.000 doanh nghiệp;
- b) Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nền tảng chuyển đổi số đạt 75%;
- c) Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng tên miền.vn đạt 75%;
- d) Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử đạt 100%.

8. Phát triển môi trường số an toàn, lành mạnh

- a) Tỷ lệ làm chủ hệ sinh thái sản phẩm an toàn thông tin mạng đạt 100%;
- b) Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt 80%;
- c) Tỷ lệ tổ chức triển khai bảo vệ 4 lớp ở mức chuyên nghiệp đạt 100%;
- d) Tỷ lệ tên miền .gov.vn được đánh giá tín nhiệm mạng đạt 100%;

9. Cải thiện xếp hạng quốc gia

- a) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI);
- b) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh (GCI);
- c) Việt Nam thuộc nhóm 35 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo (GII);
- d) Việt Nam thuộc nhóm 20 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng (GCI).

IV. PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ

1. Phát triển hạ tầng

Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, gồm hạ tầng số và hạ tầng thiết yếu phục vụ kinh tế số và xã hội số. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số theo định hướng hạ tầng phải đi trước, đi nhanh, Việt Nam làm chủ công nghệ. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

- Phát triển hạ tầng mạng di động 5G và các thế hệ tiếp theo, triển khai thương mại hoá mạng di động 5G, phổ cập điện thoại di động thông minh, mỗi người dân một điện thoại thông minh.

- Phát triển hạ tầng cáp quang băng rộng, phổ cập dịch vụ Internet cáp quang băng rộng, mỗi hộ gia đình một đường truyền Internet cáp quang.

- Phát triển các tuyến cáp quang biển, mở rộng kết nối Internet khu vực và quốc tế đi đôi với bảo đảm an toàn, an ninh mạng, chuyển đổi toàn bộ mạng Internet Việt Nam sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6), phổ cập sử dụng tên miền quốc gia (.vn).

- Phát triển nền tảng điện toán đám mây, phổ cập dịch vụ điện toán đám mây, mỗi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đều có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng dịch vụ.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); có lộ trình cụ thể triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

b) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng bưu chính theo định hướng hạ tầng bưu chính đảm bảo dòng chảy vật chất bên cạnh dòng chảy dữ liệu, là hạ tầng quan trọng phục vụ kinh tế số và xã hội số. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

- Phát triển hạ tầng, mạng lưới chuyển phát, nền tảng địa chỉ số đến từng hộ gia đình.

- Phát triển các sàn giao dịch thương mại điện tử cho các hộ nông dân, hộ kinh doanh cá thể và cá nhân kinh doanh.

c) Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, lộ trình số hoá các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế; hạ tầng thương mại; hạ tầng giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hoá, thể thao, du lịch.

d) Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định

số 221/QĐ-TTg ngày 22/02/2021.

2. Phát triển dữ liệu số

Phát triển dữ liệu số theo định hướng tập trung vào hai mũi nhọn là dữ liệu chủ trong các cơ sở dữ liệu quốc gia có độ chính xác cao làm dữ liệu gốc và dữ liệu mở đặc thù của Việt Nam phục vụ phân tích, xử lý, dán nhãn phục vụ trí tuệ nhân tạo. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

- Rà soát, sửa đổi, ban hành mới quy định, chính sách về mua, bán dữ liệu, dịch vụ dữ liệu để tạo thị trường dữ liệu phát triển lành mạnh, an toàn, tuân thủ pháp luật.

- Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách về tài chính, phí, lệ phí để cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu cho doanh nghiệp, tạo nguồn thu hợp pháp để duy trì, phát triển dữ liệu và cơ chế thu mua dữ liệu từ doanh nghiệp.

- Phát triển Cổng dữ liệu quốc gia và Cổng dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương để tạo lập đầu mối thống nhất về tiếp cận dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, tạo điều kiện để doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu của cơ quan nhà nước.

- Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu quốc gia và Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp bộ, ngành, địa phương để tập hợp tài nguyên dữ liệu trong ngành, lĩnh vực, địa phương vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế xã hội.

- Phát triển thói quen, hình thành văn hoá ra quyết định dựa trên dữ liệu, loại bỏ hình thức báo cáo qua các khâu trung gian.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm bao gồm: Nông nghiệp, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Lao động, Công Thương, Du lịch và Xây dựng.

c) Bổ sung nội dung về khoa học dữ liệu vào chương trình đào tạo ở bậc đại học, sau đại học ở tất cả các chuyên ngành đào tạo kỹ sư, cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ; phát triển, kiện toàn các trung tâm, phòng thí nghiệm về dữ liệu lớn thuộc các trường đại học, viện nghiên cứu.

3. Phát triển danh tính số

Phát triển và sử dụng danh tính số theo định hướng phổ cập danh tính số trên điện thoại di động thông minh, tương thích với tiêu chuẩn quốc tế, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam, một danh tính số có thể sử dụng tất cả các dịch vụ số. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Ban hành Nghị định của Chính phủ về định danh và xác thực điện tử và các Thông tư hướng dẫn thi hành để khẳng định giá trị pháp lý, giá trị sử dụng và các điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử.

b) Phát triển từ 03 đến 05 tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử theo hướng ưu tiên các tổ chức, doanh nghiệp có cơ sở dữ liệu khách hàng lớn, có năng lực công nghệ, có hệ thống kỹ thuật sẵn sàng.

c) Xây dựng Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA), Nền tảng định danh và xác thực điện tử trên thiết bị di động, hướng tới xây dựng mô hình liên hiệp định danh, kết nối các tổ chức cung cấp dịch vụ trực tuyến, tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử và chủ thể danh tính số. Tổ chức cung cấp dịch vụ trực tuyến chỉ cần kết nối với một đầu mối theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là có thể sử dụng danh tính số được cung cấp bởi tất cả các tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử tại Việt Nam.

d) Xây dựng hệ thống kỹ thuật để đánh giá, kiểm định các sản phẩm phục vụ xác thực điện tử phát triển bởi các doanh nghiệp trong nước và quốc tế sử dụng tại Việt Nam.

đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của các bộ, ngành, địa phương, các nền tảng, hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số, cổng dịch vụ của các tổ chức cung cấp dịch vụ trực tuyến để người dân có thể sử dụng danh tính số một cách thông suốt, dễ dàng, thuận tiện.

e) Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai tuyên truyền, phổ biến để người dân biết và sử dụng danh tính số.

4. Phát triển thanh toán số

Phát triển thanh toán số theo định hướng phổ cập tài chính toàn diện, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách về tài chính, phí, lệ phí theo hướng loại bỏ các rào cản thanh toán không sử dụng tiền mặt, từ đó, khuyến khích người dân thực hiện các giao dịch không sử dụng tiền mặt.

b) Tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định Thủ tướng số 149/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020.

c) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.

d) Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ mobile money, tập trung ưu tiên ở các vùng, miền có tỉ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng còn ở mức thấp.

đ) Nâng cấp hệ thống thanh toán quốc gia, trong đó, chú trọng vào hệ thống thanh toán liên ngân hàng và bù trừ điện tử đáp ứng yêu cầu về số lượng giao dịch,

đặc biệt là các giao dịch thanh toán vi mô, giá trị nhỏ dự kiến bùng nổ trong nền kinh tế số.

e) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng Giao diện thanh toán hợp nhất (UPI) nhằm chuẩn hóa và tối giản các thao tác thanh toán không dùng tiền mặt giữa các ngân hàng và các trung gian thanh toán khác, giải quyết vấn đề phân mảnh các kênh thanh toán và mang lại nhiều tiện ích hơn cho người dùng.

g) Nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền kỹ thuật số dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain).

5. Phát triển kỹ năng số

Phát triển kỹ năng số theo định hướng phổ cập kỹ thuật số toàn diện để hình thành nên một xã hội số công bằng và bao trùm, khơi dậy tiềm năng, sự tự hào Việt Nam và niềm tin của người dân trên không gian số. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai Khung đào tạo kỹ năng số quốc gia hướng tới phổ cập kỹ năng số trong toàn dân. Trong đó, xác định các kỹ năng cần thiết, trình độ đáp ứng và các đối tượng đào tạo theo các đối tượng: cho tất cả người dân, cho lực lượng lao động, cho chuyên gia công nghệ thông tin, cho môi trường giáo dục và cho các đối tượng yếu thế trong xã hội.

b) Xây dựng Nền tảng học trực tuyến mở (MOOC) về kỹ năng số phù hợp với Khung đào tạo kỹ năng số quốc gia, cho phép người dân truy cập miễn phí để tự học các kỹ năng số. Các cơ sở đào tạo căn cứ vào nội dung, học liệu để thực hiện giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng số. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xây dựng và đóng góp, làm giàu thêm học liệu trên nền tảng số theo đúng tiêu chuẩn của Khung đào tạo kỹ năng số quốc gia.

c) Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và các loại hình dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại điện tử.

d) Xây dựng phương pháp đo lường kỹ năng số, khoảng cách số phù hợp với thông lệ quốc tế. Hàng năm thực hiện đánh giá, công bố và có phương án cải thiện các chỉ số này ở cấp quốc gia và địa phương.

6. Phát triển nhân lực số

Phát triển nhân lực số theo định hướng tập trung phát triển nhân lực công nghệ số đáp ứng kỹ năng mới liên quan đến điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, kiến trúc hệ thống, kỹ nghệ phần mềm, thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng, an toàn, an ninh mạng. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để đảm bảo tỷ lệ tối thiểu thời lượng đào tạo trực tuyến trong tổng thời gian đào tạo; công nhận và cho phép chuyển đổi phù hợp một số văn bằng, chứng chỉ công nghệ thông tin cấp bởi tổ chức, doanh nghiệp công nghệ uy tín trên thế giới sang tín chỉ học của bộ môn tương

ứng để rút ngắn thời gian đào tạo cho những sinh viên xuất sắc.

b) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai thí điểm mô hình Đại học số đào tạo chuyên ngành công nghệ thông tin, điện tử viễn thông, an toàn, an ninh mạng.

c) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”, trong đó cơ quan nhà nước là cầu nối giữa các trường đại học, cao đẳng, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp; tổ chức các chương trình thực tập ngắn hạn, thường xuyên để tăng cơ hội tiếp xúc nghề nghiệp cho sinh viên từ đó định hướng tốt hơn cho công việc tương lai, đồng thời bổ sung nguồn lực kỹ thuật cho các doanh nghiệp.

d) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông với lộ trình triển khai cụ thể. Ưu tiên triển khai thí điểm ở các thành phố trực thuộc Trung ương và một số tỉnh, sau đó dần mở rộng ra trên quy mô toàn quốc.

đ) Xây dựng mạng lưới hệ thống thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở, thí điểm xây dựng và triển khai chương trình sách giáo khoa mở cho phép học sinh, sinh viên truy cập trực tuyến miễn phí phục vụ học tập, tra cứu thông tin, nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức của các đối tượng yếu thế trong xã hội, tiết kiệm chi phí in ấn hàng năm.

e) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng Quản lý nội dung học tập quốc gia dùng chung cho các cơ sở đào tạo tại các cấp phổ thông; xây dựng và chuẩn hóa học liệu số từ đó rút giảm thời gian, công sức giáo viên chuẩn bị nội dung bài giảng trước mỗi tiết học. Giáo viên sẽ có nhiều thời gian tương tác với học sinh, cải thiện chất lượng tiết học.

g) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng Quản lý học tập quốc gia dùng chung cho các cơ sở đào tạo tại các cấp phổ thông tạo môi trường tích hợp giảng dạy – học tập cho giáo viên và học sinh. Nền tảng lưu trữ hồ sơ số trong suốt quá trình học tập và học tập suốt đời của một công dân.

h) Các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học ở các lĩnh vực ngành, nghề mở thêm chuyên ngành đào tạo về chuyển đổi số trong lĩnh vực ngành, nghề của mình.

i) Xây dựng và định kỳ hàng năm công bố báo cáo dự báo về tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng tại Việt Nam để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế và giới thiệu về một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới.

7. Phát triển doanh nghiệp số

Phát triển doanh nghiệp số, gồm doanh nghiệp công nghệ số và chuyển đổi các doanh nghiệp truyền thống thành doanh nghiệp số. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

b) Xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hóa đơn điện tử phù hợp với thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế.

c) Xây dựng Nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia, kết nối, liên thông với toàn bộ các cơ quan thuế, cho phép thanh toán hóa đơn điện tử, rút ngắn thời gian thực hiện giao dịch điện tử.

d) Tổ chức triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

- Khảo sát, phân nhóm các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo ngành nghề, lĩnh vực hoạt động và quy mô doanh nghiệp;

- Đánh giá, giới thiệu các nền tảng số xuất sắc Make in Việt Nam phù hợp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo từng phân nhóm, kết hợp với tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa xây dựng kế hoạch, chiến lược chuyển đổi số, đào tạo, tập huấn, phổ biến kỹ năng số thông qua việc sử dụng nền tảng.

- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động cụ thể theo từng ngành, lĩnh vực và từng địa phương.

8. Phát triển môi trường số an toàn, lành mạnh

Phát triển môi trường số an toàn, lành mạnh, tạo niềm tin để mạnh mẽ thực hiện chuyển đổi từ môi trường thực lên môi trường số. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược an toàn không gian mạng quốc gia theo định hướng làm chủ công nghệ, bảo vệ chủ quyền số và sự thịnh vượng của quốc gia trên không gian mạng, bảo đảm môi trường thông tin số an toàn, lành mạnh, phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

- Phát triển hạ tầng số, nền tảng số với yêu cầu an toàn, an ninh mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng; cung cấp dịch vụ được bảo đảm sẵn về an toàn, an ninh mạng ở mức cơ bản.

- Phát triển hệ sinh thái sản phẩm an toàn thông tin mạng Việt Nam, ưu tiên các doanh nghiệp thực hiện hoạt động nghiên cứu, sản xuất sản phẩm an toàn thông tin mạng.

- Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 4 lớp.

- Xây dựng và tổ chức triển khai hệ sinh thái tín nhiệm mạng như là một chỉ dẫn quan trọng, tạo niềm tin cho người dân trên môi trường số thông qua việc thực hiện đánh giá và dán nhãn tín nhiệm cho các trang, cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin mạng.

b) Triển khai ký số từ xa theo định hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn.

V. PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Nông nghiệp

Phát triển kinh tế số và xã hội số trong nông nghiệp theo định hướng nông nghiệp số gắn liền với nông nghiệp sinh thái; nông thôn hiện đại; nông dân chuyên nghiệp, văn minh. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong nông nghiệp, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, mỗi hộ nông dân là một doanh nghiệp, mỗi hộ nông dân là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; phát triển các nền tảng số phục vụ nhu cầu của người nông dân; phát triển các dịch vụ bảo hiểm mùa vụ, phòng ngừa rủi ro cho nông dân.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho nông dân.

c) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp để dán nhãn dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, phát hiện ra sớm bệnh dịch cho cây trồng, vật nuôi để có phương án xử lý kịp thời.

d) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản cho phép kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của nông sản.

đ) Xây dựng, cập nhật bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới có các tiêu chí về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tổ chức triển khai mô hình làng chuyển đổi số, xã chuyển đổi số, trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là gắn kết phát triển thương mại điện tử với chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

e) Tổ chức triển khai sáng kiến phổ cập kỹ năng số cho người nông dân theo hướng tuyên truyền, phổ biến qua phương tiện truyền thông cơ sở; tổ chức các khoá đào tạo, tập huấn, cấp chứng chỉ kỹ năng cho người nông dân thông qua các nền tảng số, đào tạo trực tuyến, liên tục phát triển kỹ năng và tri thức cho người nông dân; trước mắt ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sàn giao dịch

điện tử, thanh toán điện tử và kỹ năng nhận biết, phòng ngừa các hoạt động lừa đảo trên mạng.

d) Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về nông nghiệp số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

2. Y tế

Phát triển kinh tế số và xã hội số trong y tế theo định hướng y tế số gắn kết thông suốt mạng lưới cơ sở khám, chữa bệnh từ Trung ương tới cấp xã và với người dân. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách trong y tế để cơ sở khám, chữa bệnh có bộ phận chức năng và cung cấp dịch vụ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử; đơn thuốc điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ y tế số.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong y tế, thúc đẩy, khuyến khích bệnh viện lớn đồng thời cũng là doanh nghiệp công nghệ số về y tế; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư vào y tế số; phổ cập dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tư vấn khám chữa bệnh từ xa.

c) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa kết nối bệnh viện với bệnh viện, bệnh viện tuyến trên với bệnh viện tuyến dưới, từ Trung ương tới cơ sở, giúp giảm tải các cơ sở y tế, khám, chữa bệnh kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí.

d) Xây dựng và tổ chức triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy; phát triển các nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Hồ sơ bệnh án điện tử là hồ sơ “sống”, được cập nhật thường xuyên, lưu lại thông tin về tình trạng sức khỏe người dân trong suốt cuộc đời.

đ) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản lý xét nghiệm thống nhất trên toàn quốc. Các kết quả xét nghiệm trong hồ sơ bệnh án điện tử được công nhận lẫn nhau giữa các cơ sở khám, chữa bệnh.

e) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản lý tiêm chủng thống nhất trên toàn quốc.

g) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản lý trạm y tế xã tới trạm y tế của tất cả các xã trên toàn quốc.

h) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân, mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân, trên cơ sở đó, có thể được tư vấn, chăm sóc sức khỏe, hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị.

i) Phát triển các Nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến, kết nối người

dân với bác sĩ tư vấn.

k) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực Y tế để dán nhãn dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, chẩn đoán đề xuất liệu trình phù hợp.

l) Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về y tế số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Y tế.

3. Giáo dục và Đào tạo

Phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo theo định hướng cơ sở giáo dục và đào tạo là một quốc gia số thu nhỏ, tiên phong triển khai áp dụng công nghệ số, hình thành thể hệ công dân số và doanh nhân số cho tương lai. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, thúc đẩy, khuyến khích cơ sở giáo dục và đào tạo lớn, các trường đại học lớn đồng thời cũng là doanh nghiệp công nghệ số về giáo dục và đào tạo; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo số.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy – học tập – thi cử cho học sinh, sinh viên, giáo viên, từ đó, hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào thực hiện xác minh danh tính, theo dõi trong suốt quá trình thi từ đó bảo đảm chất lượng cho việc thi cử trực tuyến.

c) Tìm kiếm và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục (Edtech) vào giảng dạy. Tạo cơ chế thí điểm các sản phẩm, dịch vụ mới đột phá, hỗ trợ đào tạo nhanh, hiệu quả.

4. Thương mại điện tử

Phát triển kinh tế số và xã hội trong lĩnh vực thương mại điện tử theo định hướng thương mại điện tử bao trùm lên các ngành, lĩnh vực khác, kết nối, liên kết các thành phần kinh tế khác nhau. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã được ban hành tại Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử, tập trung vào các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển: hạ tầng logistics thuận lợi, có nhiều nông sản, sản phẩm thủ công, mỹ nghệ độc đáo; liên kết thương mại điện tử giữa các vùng miền tăng hiệu quả kinh tế phục vụ thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu.

c) Đào tạo, hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để mỗi một người dân thành một doanh nghiệp. Đào tạo kỹ

năng số cho người dân, đồng bào dân tộc thiểu số, trao cơ hội tiếp cận với thương mại điện tử hướng tới xóa đói giảm nghèo, thu hẹp chênh lệch về thu nhập; coi thương mại điện tử là biện pháp cốt lõi, chủ yếu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025.

d) Xây dựng nền tảng thúc đẩy liên kết và thương mại số giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp và chính phủ, giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo điều kiện khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia.

e) Xây dựng và triển khai chương trình thương mại điện tử, trong đó, khuyến khích và hỗ trợ phụ nữ tham gia kinh doanh làm giàu, thoát nghèo và giảm bất bình đẳng giới trong xã hội.

5. Du lịch

Phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực du lịch theo định hướng cung cấp đầy đủ thông tin và trải nghiệm trực tuyến cho khách du lịch trước khi thực hiện chuyến đi và trong khi thực hiện chuyến đi theo thời gian thực. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực Du lịch, mỗi doanh nghiệp du lịch là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ du lịch; phát triển các nền tảng số kết nối cung và cầu về du lịch.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò nòng cốt và khách du lịch tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hoá, cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch.

c) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng du lịch số, phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong nước với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch trực tuyến lớn, tạo ra các gói du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách du lịch.

d) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng mô hình hoá đa chiều phục vụ phát triển bảo tàng số, du lịch số.

VI. GIẢI PHÁP

1. Thể chế, chính sách và môi trường pháp lý

a) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành để công nhận đầy đủ tính pháp lý của hồ sơ, chứng từ điện tử và giao

dịch điện tử; để việc thực hiện giao dịch điện tử mang lại nhiều lợi ích hơn, rẻ hơn, nhanh hơn, dễ dàng hơn và an toàn hơn việc thực hiện giao dịch theo các phương thức truyền thống.

b) Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực để cụ thể hoá việc thúc đẩy giao dịch điện tử trong mọi mặt kinh tế - xã hội; xây dựng, ban hành, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực.

c) Xây dựng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và tổ chức triển khai khung pháp lý cho phép phát triển, cung cấp các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật trong một không gian đặc thù trên môi trường số, có thể giám sát được bằng công nghệ số.

d) Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật để thực hiện chống độc quyền, chống mua bán, sát nhập làm ảnh hưởng tới cạnh tranh lành mạnh, chống các hình thức chuyển giá, chuyển thuế trong kinh tế số; tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm nguyên tắc thực thi công bằng, trách nhiệm như nhau trước pháp luật đối với cả doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam.

2. Tổ chức, bộ máy, mạng lưới

a) Thành lập Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch, trên cơ sở kiện toàn Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử để thống nhất điều phối quốc gia một cách đồng bộ về phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Ủy ban quốc gia tập trung vào điều phối, đôn đốc, cho ý kiến về những vấn đề mới, những vấn đề cần sự phối hợp liên ngành, đặc biệt là về xây dựng thể chế, chính sách, phát triển nền tảng quốc gia và phát triển nguồn nhân lực số.

b) Thành lập Ban chỉ đạo về chuyển đổi số của địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm Trưởng ban, trên cơ sở kiện toàn Ban chỉ đạo về chính quyền điện tử để thống nhất điều phối ở địa phương một cách đồng bộ về phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng xã, phường để phổ biến, hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số Make in Việt Nam.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương phù hợp với nội hàm quản lý, phát triển kinh tế số và xã hội số tại Việt Nam, bảo đảm đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, phát huy vai trò của các bên trong phát triển kinh tế số và xã hội số.

3. Hợp tác trong nước và quốc tế

a) Hợp tác giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và từng Bộ, ngành liên quan, thành lập Nhóm công tác chung giữa hai Bộ, xây dựng kế hoạch phối hợp hành động cụ thể theo từng năm để triển khai hoàn thiện thể chế, chính sách, phát triển

nền tảng số quốc gia và phát triển nguồn nhân lực số trong từng ngành, lĩnh vực.

b) Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

c) Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyên gia công nghệ số vào Việt Nam phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia.

4. Tuyên truyền, phổ biến

a) Tìm kiếm, phổ biến rộng khắp kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số trên Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, phương tiện truyền thông, báo chí ở Trung ương, đài phát thanh, truyền hình, phương tiện truyền thông, báo chí ở địa phương và các hệ thống truyền thông cơ sở để người dân có thể được tiếp cận thông tin.

b) Tổ chức các cuộc thi, trò chơi truyền hình xoay quanh chủ đề về công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, tự động hoá, chuỗi khối, an toàn, an ninh mạng, thu hút sự tham gia rộng rãi của người dân, để tuyên truyền, phổ biến về phát triển kinh tế số và xã hội số.

c) Tổ chức các cuộc thi tìm kiếm giải pháp dùng công nghệ số để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội theo hình thức xã hội hoá.

5. Đo lường, giám sát triển khai

a) Bổ sung kinh tế số vào hệ thống phân ngành kinh tế Việt Nam để từ đó xây dựng phương pháp thống kê, đo lường kinh tế số phù hợp, thống nhất ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương; định kỳ hàng năm công bố tỷ trọng của kinh tế số trong GDP của cả nước, tỷ trọng của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực và tỷ trọng của kinh tế số trong GRDP của địa phương một cách tương ứng.

b) Ban hành bộ tiêu chí đo lường về xã hội số và định kỳ hàng năm thực hiện, công bố kết quả đo lường về xã hội số ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương.

6. Bảo đảm kinh phí

a) Kinh phí thực hiện Chiến lược này bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn lực để thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế số và xã hội số.

b) Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số, phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực và các nhiệm vụ, giải pháp, dự án thuộc Chiến lược này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

c) Đối với các đơn vị có các nguồn kinh phí được để lại theo quy định đang để ngoài cân đối ngân sách: Việc sử dụng kinh phí để thực hiện Chiến lược thực

hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật chuyên ngành.

7. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của công nghệ

a) Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số ở quy mô quốc gia và từng địa phương; trong đó, trọng tâm là đánh giá ảnh hưởng của công nghệ đối với cách ngành, nghề và triển vọng việc làm để đưa ra phương án chuyển đổi phù hợp với chiến lược phát triển của quốc gia và địa phương. Ưu tiên thực hiện chuyển đổi cho các đối tượng chịu nhiều tác động, có khả năng bị thay thế bởi máy móc nhất.

b) Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; phát triển các Trung tâm giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo phát triển trợ lý ảo để hỗ trợ người dân 24/7 mọi lúc, mọi nơi.

c) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số đơn giản, dễ sử dụng để hỗ trợ người dân tự kiểm soát được hoạt động và mức độ sử dụng công nghệ; ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo vào tự động kiểm soát truy cập và chặn lọc các trang web, tài nguyên Internet độc hại hướng tới một không gian số an toàn, lành mạnh cho người dân.

d) Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử; đẩy mạnh áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hướng tới một môi trường xanh và bảo vệ sức khỏe của người dân.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược này; hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược; định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Chiến lược.

b) Năm 2023 tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược, đề xuất xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu và bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, giải pháp (nếu cần thiết) và tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chiến lược vào năm 2025.

c) Tổ chức xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý về kinh tế số; Chủ trì xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành các Chiến lược tạo nền móng cho phát triển kinh tế số, xã hội số cho giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 bao gồm: Chiến lược phát triển hạ tầng số quốc gia, Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số, Chiến lược dữ liệu số quốc gia, Chiến lược an toàn không gian mạng quốc gia.

d) Định hướng, chỉ đạo các doanh nghiệp nền tảng số, đặc biệt các doanh nghiệp có mạng lưới phủ khắp 63 tỉnh thành (như các doanh nghiệp bưu chính,

doanh nghiệp viễn thông, thương mại điện tử) đào tạo, phổ biến kỹ năng số cho người dân, triển khai các hoạt động để thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số tại các vùng sâu, vùng xa.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Tổng hợp, bố trí vốn chi đầu tư phát triển hàng năm theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai Chiến lược.

b) Bổ sung kinh tế số vào hệ thống phân ngành kinh tế Việt Nam. Ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê, đo lường kinh tế số và hướng dẫn, tổ chức triển khai thống kê, đo lường kinh tế số. Hàng năm tổ chức điều tra, thống kê và công bố số liệu về tình hình phát triển của kinh tế số, xã hội số Việt Nam.

3. Bộ Tài chính

a) Chủ trì tổng hợp, bố trí vốn chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai Chiến lược.

b) Chủ trì xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý và tổ chức thực thi quy định về thuế, đảm bảo các công ty đa quốc gia vận hành các nền tảng xuyên biên giới thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, tạo sự bình đẳng giữa nền tảng số nội địa và nền tảng số xuyên biên giới.

c) Xây dựng các hệ thống hóa đơn điện tử kết nối, liên thông từ Trung ương đến địa phương và với các hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt để hình thành hệ sinh thái hoá đơn – thanh toán toàn trình.

4. Ngân hàng Nhà nước

a) Xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.

b) Nghiên cứu, nâng cấp hệ thống thanh toán quốc gia đáp ứng yêu cầu bùng nổ của các giao dịch vi mô, giá trị nhỏ; Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng Giao diện thanh toán hợp nhất (UPI) nhằm hợp nhất các kênh thanh toán bao gồm ngân hàng, các trung gian thanh toán, ví điện tử ... mang lại sự tiện lợi cho người dân.

5. Bộ Công Thương

a) Triển khai đồng bộ Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã được ban hành tại Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2020 với các nội dung của Chiến lược.

b) Xây dựng chính sách thương mại phù hợp với hội nhập quốc tế; nghiên cứu các biện pháp phòng vệ thích hợp để bảo vệ sản xuất và lợi ích người tiêu dùng, phù hợp với các hiệp định thương mại tự do và cam kết quốc tế mà Việt

Nam tham gia.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực số và phát triển kinh tế số, xã hội số trong giáo dục và đào tạo.

b) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông để đưa Khung/Chuẩn kỹ năng số cho người sử dụng áp dụng vào các cấp học phổ thông và đại học phù hợp với hình thức, đối tượng và hỗ trợ học tập suốt đời.

7. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông để đưa Khung/Chuẩn kỹ năng số cho người sử dụng áp dụng vào các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề nghiệp phù hợp với hình thức, đối tượng và hỗ trợ học tập suốt đời.

b) Chủ trì tổ chức các chương trình đào tạo, đào tạo lại về các ngành, nghề kỹ thuật số, đào tạo nâng cao và đào tạo chuyển đổi sang lĩnh vực kỹ thuật số cho công nhân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

c) Bổ sung thêm các kỹ năng số vào các môn thi tay nghề phù hợp ngành nghề trong các kỳ thi tay nghề quốc gia.

d) Chủ trì đánh giá mức độ phổ cập kỹ năng số trên toàn quốc và định kỳ công bố hàng năm.

đ) Xây dựng nền tảng dự báo nhu cầu lao động trong các ngành, lĩnh vực kinh tế số, xã hội số để có phương án đào tạo phù hợp.

8. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch hàng năm phát triển kinh tế số, xã hội số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để thực hiện Chiến lược; đồng bộ các nội dung kế hoạch với quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương mình. Bổ sung, cập nhật nội dung phát triển kinh tế số, xã hội số theo tinh thần Chiến lược này vào quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển ngành, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để đồng bộ trong triển khai thực hiện.

b) Tổ chức quán triệt triển khai các nhiệm vụ nêu tại Mục IV, V, VI nêu trên, năng động, sáng tạo để có các giải pháp đột phá phát triển kinh tế số, xã hội số ở bộ, ngành, địa phương mình.

c) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục kèm theo.

d) Bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát triển kinh tế số, xã hội số của bộ, ngành, địa phương

mình. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có giải pháp tăng chi cho chuyển đổi số, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, bảo đảm tỷ lệ chi cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ điện tử, chính phủ số trong tổng chi ngân sách nhà nước cao hơn mức trung bình của thế giới

đ) Kiểm tra, đánh giá, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình thực hiện Chiến lược theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

9. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm: chủ trì, chủ động phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, địa phương xây dựng và phê duyệt kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các ngành, các cấp và Nhân dân về nội dung Chiến lược này, cũng như các câu chuyện thành công, bài học kinh nghiệm hay trong nước và quốc tế một cách thường xuyên, định kỳ hàng ngày, hàng tuần.

10. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn cơ sở các cấp cử đầu mối tới tận cấp xã, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối; chủ động phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường số.

11. Hội, hiệp hội nghề nghiệp chủ động, tích cực trong việc tham mưu, phản biện chính sách, pháp luật; phát động hội viên, doanh nghiệp chủ động làm chủ công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng; tham gia cùng Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc tuyên truyền, phổ biến, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số ở Việt Nam; chủ động phát hiện, giới thiệu các nền tảng chuyển đổi số quốc gia trong ngành, lĩnh vực mình; tích cực tham gia cung cấp yêu cầu đầu vào để hỗ trợ xây dựng các nền tảng số; khuyến khích các doanh nghiệp thành viên tham gia kết nối, sử dụng các nền tảng số trong các hoạt động của hội, hiệp hội.

12. Các doanh nghiệp số

a) Các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp bưu chính ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng khắp cả nước đáp ứng yêu cầu bùng nổ của phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, cùng với nhà nước tham gia đào tạo, hướng dẫn người dân sử dụng các kỹ năng số.

b) Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Viễn thông MobiFone, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam chủ động tích cực tham gia triển khai Chiến lược; phát huy vai trò dẫn dắt trong triển khai các giải pháp phát triển kinh tế số và xã hội số, huy động, tập hợp các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực công nghệ số, cùng tham gia phát triển hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

c) Các doanh nghiệp công nghệ số chủ động phát triển các nền tảng số giải quyết các vấn đề về phát triển kinh tế số, xã hội số; xây dựng hệ sinh thái nội dung hấp dẫn, lành mạnh để tạo thói quen trực tuyến cho người dân.

d) Các doanh nghiệp công nghệ số phối hợp cùng với các bộ, ngành, các trường đại học, cao đẳng xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng chuyên ngành công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng theo hướng kết hợp giữa lý thuyết – thực tế; sẵn sàng triển khai các chương trình “đào tạo từ làm việc thực tế”, đón sinh viên cao đẳng, đại học vào thực tập và tiếp xúc sớm với môi trường doanh nghiệp.

13. Các trường học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Căn cứ vào Nội dung Chiến lược để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nghiên cứu, bổ sung vào chương trình đào tạo các bộ môn chuyên ngành, nội dung kiến thức, kỹ năng mới phù hợp với nhu cầu nhân lực công nghệ thông tin, công nghệ số của Việt Nam trong 05 – 10 năm tới.

c) Huy động tối đa các nguồn lực hiện có, kết hợp với các chương trình, dự án khác, khai thác hiệu quả vốn đầu tư của Nhà nước để đào tạo kỹ sư, cử nhân, kỹ sư thực hành, cử nhân thực hành về công nghệ số, kinh tế số và xã hội số.

d) Tăng cường hàm lượng thực hành trong đào tạo các chuyên ngành công nghệ số, kinh tế số, xã hội số, đưa các nền tảng số, công nghệ số, đặc biệt là các nền tảng số của Việt Nam, công nghệ mở vào giới thiệu trong các chương trình đào tạo để sinh viên có điều kiện thực hành và tiếp cận thực tế.

đ) Tích cực triển khai chuyển đổi số toàn diện, tham gia xây dựng và triển khai thí điểm đại học số.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KSTT (2).XH

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ
HỘI SỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2021
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
I.	PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG CHO KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ		
1	Phát triển hạ tầng		
a.	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
b.	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng bưu chính	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
c.	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số và lộ trình số hoá lĩnh vực hạ tầng giao thông	Bộ Giao thông Vận tải	2021-2022
d.	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số và lộ trình số hoá lĩnh vực hạ tầng cung cấp điện	Bộ Công Thương	2021-2022
e.	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số và lộ trình số hoá lĩnh vực hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2022
f.	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số và lộ trình số hoá lĩnh vực hạ tầng đô thị	Bộ Xây dựng	2021-2022
g.	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số và lộ trình số hoá lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021-2022
h.	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số và lộ trình số hoá lĩnh vực hạ tầng thương mại	Bộ Công Thương	2021-2022
i.	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số và lộ trình số hoá lĩnh vực hạ tầng giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2022
j.	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế	Bộ Khoa học và	2021-2022

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
	hoạch chuyển đổi số và lộ trình số hoá lĩnh vực hạ tầng khoa học và công nghệ	Công nghệ	
k.	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số và lộ trình số hoá lĩnh vực hạ tầng y tế	Bộ Y tế	2021-2022
l.	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số và lộ trình số hoá lĩnh vực hạ tầng văn hoá, thể thao, du lịch	Bộ Văn hoá, Thể thao, và Du lịch	2021-2022
m.	Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam	Bộ Công Thương	2021-2022
2	Phát triển dữ liệu số		
a.	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
b.	Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm bao gồm: Nông nghiệp, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Lao động, Công Thương, Du lịch và Xây dựng.	Các Bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực trọng điểm tương ứng	2021-2022
c.	Bổ sung nội dung về khoa học dữ liệu vào chương trình đào tạo ở bậc đại học, sau đại học ở tất cả các chuyên ngành	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Các cơ sở đào tạo đại học	2021-2022
3	Phát triển danh tính số		
a.	Ban hành Nghị định của Chính phủ về định danh và xác thực điện tử và các Thông tư hướng dẫn thi hành	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
b.	Phát triển từ 03 đến 05 tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
c.	Xây dựng Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA)	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
d.	Xây dựng hệ thống kỹ thuật để đánh giá, kiểm định các sản phẩm phục vụ xác thực điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
e.	Tổ chức triển khai kết nối Nền tảng NIXA với Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
4	Phát triển thanh toán số		
a.	Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách về tài chính, phí, lệ phí phù hợp với thanh toán số	Bộ Tài chính	2021-2022
b.	Tổ chức triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia	Bộ Tài chính	2021-2025
c.	Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước	2021-2022
d.	Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ mobile money	Ngân hàng Nhà nước	2021-2025
e.	Nâng cấp hệ thống thanh toán quốc gia	Ngân hàng Nhà nước	2021-2022
f.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng Giao diện thanh toán hợp nhất (UPI)	Ngân hàng Nhà nước	2021-2022
g.	Nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền kỹ thuật số	Ngân hàng Nhà nước	2021-2022
5	Phát triển kỹ năng số		
a.	Xây dựng và tổ chức triển khai Khung đào tạo quốc gia về công nghệ số, kinh tế số và xã hội số	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2022
b.	Xây dựng và triển khai Chuẩn kỹ năng số cho người sử dụng	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
c.	Tổ chức, triển khai các khóa đào tạo 1000 chuyên gia chuyển đổi số; 500 chuyên gia kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số doanh nghiệp; 300 chuyên gia về an toàn, an ninh mạng; 100 chuyên gia thương mại điện tử, marketing số làm nòng cốt phát triển kinh tế số, xã hội số. Xây dựng mạng lưới chuyên gia về kinh tế số, xã hội số để chia sẻ tri thức, phối hợp giải quyết các vấn đề lớn	Bộ Thông tin và Truyền thông; Các Bộ, ngành; Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2021-2025
d.	Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương. Tổ chức đào tạo, sát hạch, thi tuyển, thi nâng ngạch trực tuyến đảm bảo minh bạch, chất lượng.	Bộ Nội vụ; Bộ Thông tin và Truyền thông; Các Bộ, ngành; Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
e.	Xây dựng Nền tảng đánh giá, sát hạch kỹ năng số quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
f.	Xây dựng và triển khai Nền tảng học trực tuyến mở (MOOC) về kỹ năng số	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2021-2025
g.	Tổ chức đào tạo, phát triển kỹ năng số cho người dân và người lao động trong các doanh nghiệp	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2021-2025
h.	Tổ chức đào tạo, phát triển kỹ năng số cho công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước	Các Bộ, ngành; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
i.	Tổ chức giáo dục kiến thức, kỹ năng số trong các cơ sở giáo dục các cấp	Bộ Giáo dục và Đào tạo; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
j.	Xây dựng phương pháp đo lường kỹ năng số, khoảng cách số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022-2023
6	Phát triển nhân lực số		
a.	Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để đảm bảo tỷ lệ tối thiểu thời lượng đào tạo trực tuyến trong các cấp học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2022
b.	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai thí điểm mô hình Đại học số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022-2025
c.	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Thông tin và Truyền thông	2022-2025
d.	Xây dựng chính sách cho phép chuyển đổi một số bằng, chứng chỉ công nghệ thông tin cấp bởi Tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ uy tín trên thế giới sang tín chỉ học của bộ môn tương ứng để rút ngắn thời gian đào tạo.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2022-2023

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
e.	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình STEM/STEAM và lập trình robotic trong giáo dục phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
f.	Xây dựng mạng lưới hệ thống thư viện điện tử	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2021-2025
g.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng Quản lý nội dung học tập quốc gia	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2022
h.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng Quản lý học tập quốc gia	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2022
i.	Mở thêm chuyên ngành đào tạo về chuyển đổi số trong lĩnh vực, ngành, nghề tại các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học; Đẩy mạnh đào tạo kỹ sư, cử nhân, cao đẳng các ngành công nghệ số, kinh tế số và xã hội số	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	2021-2022
j.	Xây dựng và định kỳ hàng năm công bố báo cáo dự báo về tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng tại Việt Nam để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế và giới thiệu về một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022-2025
7	Phát triển doanh nghiệp số và nền tảng số		
a.	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
b.	Xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hóa đơn điện tử	Bộ Tài chính; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
c.	Xây dựng Nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia	Bộ Tài chính	2021-2022
d.	Tổ chức triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
e.	Tổ chức và phát triển mạng lưới chuyên gia kinh tế số và chuyển đổi số doanh nghiệp	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
f.	Thiết lập cổng thông tin nền tảng số, thị trường số ngành, lĩnh vực và quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
g.	Xây dựng và ban hành Bộ chỉ số chuyển đổi số của doanh nghiệp. Triển khai nền tảng, công cụ và đội ngũ chuyên gia để thực hiện đánh giá và công bố hàng năm.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
h.	Xây dựng và triển khai chương trình thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ, nền tảng số phục vụ các ngành, lĩnh vực (EduTech, HealthTech, AgriTech, TouriTech)	Bộ Thông tin và Truyền thông; Các Bộ quản lý ngành	2021-2025
i.	Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở phục vụ kinh tế số, xã hội số.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
j.	Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có lợi thế, có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), dữ liệu lớn (Big Data) tạo điều kiện sớm triển khai các công nghệ số tiên tiến trong phát triển kinh tế số, xã hội số.	Bộ Khoa học và Công nghệ	2021-2025
k.	Xây dựng và trình ban hành danh sách các nền tảng số quốc gia phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Cập nhật thường xuyên danh mục theo thực tiễn phát triển	Bộ Thông tin và Truyền thông; Các Bộ quản lý ngành	2021-2025
8	Phát triển môi trường số an toàn, lành mạnh		
a.	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược an toàn không gian mạng quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
b.	Triển khai ký số từ xa, phổ cập chữ ký số cá nhân cho người dân	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
II.	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC		
1	Phát triển kinh tế số, xã hội số Nông nghiệp		
a.	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong nông nghiệp, nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
b.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu mở nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
c.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp, xây dựng dữ liệu được dán nhãn theo hình thức đóng góp của cộng đồng.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2023
d.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2025
e.	Xây dựng, cập nhật bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới có các tiêu chí về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Xây dựng và triển khai thí điểm mô hình Làng 4.0 và Xã 4.0.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2022
f.	Tổ chức triển khai sáng kiến phổ cập kỹ năng số cho người nông dân	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2021-2025
g.	Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về nông nghiệp số trong các cơ sở đào tạo đại học	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Phát triển kinh tế số, xã hội số Y tế		
a.	Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách trong y tế cho phù hợp phát triển kinh tế số, xã hội số	Bộ Y tế	2021-2022
b.	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong y tế	Bộ Y tế	2021-2025
c.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	Bộ Y tế	2021-2022
d.	Xây dựng và tổ chức triển khai hồ sơ bệnh án điện tử	Bộ Y tế	2021-2022
e.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản	Bộ Y tế	2021-2022

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
	lý xét nghiệm thống nhất trên toàn quốc		
f.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản lý tiêm chủng thống nhất trên toàn quốc.	Bộ Y tế	2021-2022
g.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản lý trạm y tế xã	Bộ Y tế; UBND các tỉnh, thành phố	2021-2022
h.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân	Bộ Y tế; UBND các tỉnh, thành phố	2021-2022
i.	Phát triển các Nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến	UBND các tỉnh, thành phố	2021-2025
j.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực Y tế	Bộ Y tế	2021-2023
k.	Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về y tế số	Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2025
l.	Tổ chức đào tạo kỹ năng số cho bác sỹ để thực hiện chẩn đoán, khám chữa bệnh từ xa trên các hệ thống telehealth hay qua ứng dụng điện thoại di động.	Bộ Y tế	2021-2025
3	Phát triển kinh tế số, xã hội số Giáo dục và Đào tạo		
a.	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2022
b.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy – học tập – thi cử	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2022
c.	Tìm kiếm và thúc đẩy ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục (Edtech)	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
d.	Tổ chức đào tạo để hình thành đội ngũ giảng viên về STEM/STEAM tại các trường phổ thông, đại học và sau đại học. Ưu tiên đào tạo các giáo viên phổ thông, đặc biệt là giáo viên môn tin học thành giảng viên kỹ năng số để đưa giáo dục kỹ năng số các trường phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo; UBND các tỉnh, thành phố trụ thuộc TW	2021-2022
4	Phát triển Thương mại điện tử		

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
a.	Tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia	Bộ Công thương	2021-2025
b.	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã tham gia thương mại điện tử, phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; các doanh nghiệp Bưu chính	2021-2022
c.	Đào tạo, hỗ trợ hộ SXNN, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã lên các sàn thương mại điện tử bán sản phẩm đầu ra và mua nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; các doanh nghiệp Bưu chính	2021-2025
d.	Xây dựng nền tảng thúc đẩy liên kết và thương mại số giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B), giữa doanh nghiệp và chính phủ (B2G), giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước	Bộ Công thương	2021-2025
e.	Xây dựng và triển khai chương trình thương mại điện tử, trong đó, khuyến khích và hỗ trợ phụ nữ tham gia kinh doanh làm giàu, thoát nghèo và giảm bất bình đẳng giới trong xã hội	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Bộ Công Thương	2021-2025
5	Phát triển kinh tế số Du lịch		
a.	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực Du lịch	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; UBND các tỉnh, thành phố	2021-2022
b.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu mở du lịch;	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; UBND các tỉnh, thành phố	2021-2022
c.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng du lịch số; Xây dựng ứng dụng di động tích hợp các dịch vụ du lịch toàn trình hỗ trợ đa ngôn ngữ phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước; Phát triển nền tảng số chuyển đổi số cho các nhà hàng, khách sạn, cơ sở lưu trú.	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2021-2022
d.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng mô	Bộ Văn hoá,	2021-2022

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
	hình hoá đa chiều phục vụ phát triển bảo tàng số, du lịch số.	Thể thao và Du lịch	
III	CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ		
1	Hoàn thiện thể chế, chính sách và môi trường pháp lý		
a.	Xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật Giao dịch điện tử sửa đổi và các văn bản hướng dẫn với các nội hàm về phát triển và quản lý kinh tế số, tạo hành lang pháp lý mới cho kinh tế số phát triển phù hợp với quy định và thông lệ quốc tế	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
b.	Xây dựng và trình Quốc hội ban hành Luật Công nghiệp công nghệ thông tin, trên cơ sở thay thế Luật Công nghệ thông tin năm 2006	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022-2024
c.	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực bảo đảm môi trường pháp lý thuận lợi cho phát triển kinh tế số và xã hội số, cho phép thử nghiệm, chấp nhận cái mới và chấp nhận thay đổi.	Các Bộ; Cơ quan thuộc Chính phủ	2021-2023
d.	Xây dựng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và tổ chức triển khai khung pháp lý cho phép phát triển, cung cấp các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật	Bộ Thông tin và Truyền thông; Các Bộ; Cơ quan thuộc Chính phủ;	2021-2025
e.	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật để thực hiện chống độc quyền, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh giữa doanh nghiệp trong nước và ngoài nước hoạt động trong kinh tế số, kinh tế nền tảng	Bộ Công thương	2021-2022
f.	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật về mua bán, sát nhập doanh nghiệp để tránh làm ảnh hưởng tới cạnh tranh lành mạnh trên thị trường kinh tế số, kinh tế nền tảng và cung cấp dịch vụ trực tuyến cũng như bảo vệ dữ liệu của Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021-2022
g.	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật để chống các hình thức chuyên giá, chuyên thuế, đảm bảo thu	Bộ Tài chính	2021-2022

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
	đúng, thu đủ thuế các nền tảng số, dịch vụ số, dịch vụ trực tuyến nước ngoài, xuyên biên giới		
2	Tổ chức, bộ máy, mạng lưới		
a.	Thành lập Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số trên cơ sở kiện toàn Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nội vụ	2021-2022
b.	Thành lập Ban chỉ đạo về chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương trên cơ sở kiện toàn Ban Chỉ đạo về chính quyền điện tử	Các Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2022
c.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương phù hợp với nội hàm quản lý, phát triển kinh tế số và xã hội số	Bộ Nội vụ	2021-2022
d.	Huy động các Hội, Hiệp hội, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia, với vai trò kết nối các hội viên, thành viên là cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp cùng hoạt động trên các nền tảng số và tạo ra các giá trị cho cộng đồng.	Các Bộ, ngành; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
3	Hợp tác trong nước và quốc tế về phát triển kinh tế số, xã hội số		
a.	Chủ động hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế số, xã hội số; chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về phát triển công nghệ số, kinh tế số, trong đó sẵn sàng phát huy vai trò đi đầu trong những lĩnh vực có thế mạnh; tham gia chủ động, tích cực vào việc xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về công nghệ số phù hợp với mục tiêu và lợi ích của Việt Nam.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
b.	Đẩy mạnh hợp tác giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và từng Bộ, ngành liên quan	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
c.	Tăng cường hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số	Các Bộ, ngành; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
d.	Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài; Phối hợp, cung cấp đầy đủ thông tin cho các tổ chức đánh giá, xếp hạng quốc tế liên quan	Bộ Thông tin và Truyền thông; Các Bộ, ngành; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
e.	Tổ chức các đoàn ra, đoàn vào công tác nghiên cứu kinh nghiệm, thị trường, hợp tác phát triển kinh tế số, xã hội số	Bộ Thông tin và Truyền thông; Các Bộ, ngành; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
4	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế số và xã hội số		
a.	Tìm kiếm, phổ biến rộng khắp kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; Xây dựng các chiến dịch truyền thông về các nội dung của Chiến lược; về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia	Bộ Thông tin và Truyền thông; Các cơ quan báo chí, truyền thông	2021-2025
b.	Tổ chức các cuộc thi, trò chơi truyền hình xoay quanh chủ đề về công nghệ số, nền tảng số, kinh tế số, xã hội số	Các Đài phát thanh, truyền hình	2021-2025
c.	Tổ chức các cuộc thi tìm kiếm giải pháp dùng công nghệ số để giải quyết các “nỗi đau”, các vấn đề kinh tế - xã hội; Tổ chức các giải thưởng, vinh danh các nền tảng số, dịch vụ số, thương hiệu số xuất sắc	Bộ Thông tin và Truyền thông; Các Bộ, ngành; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
d.	Tổ chức các sự kiện, hội thảo, hội nghị, hội chợ, triển lãm quốc gia, quốc tế về kinh tế số và xã hội số	Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
e.	Tổ chức các cuộc thi quốc gia và tích cực tham gia các cuộc thi quốc tế về kỹ năng số để trau dồi kỹ năng số cho người dân, từ đó tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của kỹ năng số, tạo phong trào trang bị kỹ năng số trong xã hội.	Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
5	Đo lường, giám sát triển khai		
a.	Bổ sung kinh tế số vào hệ thống phân ngành kinh tế Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021-2022
b.	Ban hành bộ tiêu chí đo lường về xã hội số và định kỳ hàng năm thực hiện, công bố	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021-2025
c.	Ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê, đo lường kinh tế số, xã hội số; định kỳ hàng năm thực hiện điều tra, thu thập dữ liệu và công bố các chỉ tiêu phát triển kinh tế số và xã hội số, tỉ trọng của kinh tế số trong GDP/GDPR của quốc gia và các ngành, lĩnh vực, địa phương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Các Bộ, ngành; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
d.	Nghiên cứu cập nhật, bổ sung các chỉ tiêu về kinh tế số, xã hội số trong Bộ chỉ số đánh giá mức chuyển đổi số của cấp Bộ, cấp tỉnh và cấp quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
e.	Xây dựng giải pháp công nghệ thực hiện giám sát, đánh giá, đo lường hiệu quả và mức độ tuân thủ của các nền tảng số quốc gia và các nền tảng số kinh doanh trực tuyến	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
6	Bảo đảm kinh phí đầu tư phát triển kinh tế số và xã hội số		
a.	Huy động tối đa các nguồn kinh phí để thực hiện Chiến lược này bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.	Bộ Tài chính; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
b.	Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng và phát triển kinh tế số và xã hội số	Bộ Tài chính; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
c.	Tăng chi cho chuyển đổi số, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, bảo đảm tỷ lệ chi cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ điện tử, chính phủ số trong tổng chi ngân sách nhà nước cao hơn mức trung bình của thế giới	Bộ Tài chính; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
d.	Nghiên cứu, trình Chính phủ sửa đổi quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam theo hướng bổ sung nội dung chi của Quỹ để hỗ trợ đào tạo kỹ	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Tài chính	2021-2023

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
	năng số, phát triển hạ tầng số, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số cho người dân tại các vùng nông thôn, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.		
7	Giảm thiểu các tác động tiêu cực của công nghệ số		
a.	Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số ở quy mô quốc gia và từng địa phương và đề xuất các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số	Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
b.	Phát triển các Trung tâm giải đáp thắc mắc chuyển đổi số, kinh tế số và xã hội số và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số.	Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
c.	Phát triển các ứng dụng, nền tảng số đơn giản, dễ sử dụng để hỗ trợ người dân tự kiểm soát mức độ sử dụng công nghệ số và bảo vệ mình trong hoạt động trên không gian mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
d.	Xây dựng văn bản, chính sách hỗ trợ các đối tượng lao động tự do trong nền kinh tế số, không thuộc đối tượng được hưởng các chính sách an sinh, xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	2021-2023
e.	Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử; đẩy mạnh áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hướng tới một môi trường xanh và bảo vệ sức khỏe của người dân.	Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Khoa học và Công nghệ	2021-2025